

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THPT Năng khiếu TDTT
Năm học 2022 – 2023**

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	437	154	123	160
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	329 75,28%	118 76,62%	90 73,17%	121 75,63%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	90 20,59%	26 16,88%	27 21,95%	37 23,13%
3	Trung bình (Đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	16 3,66%	8 5,19%	6 4,88%	2 1,25%
4	Yếu (Chưa đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,45%	2 1,3%	-	-
II	Số học sinh chia theo học lực	437	154	123	160
1	Giỏi (Tốt) (tỷ lệ so với tổng số)	44 10,06%	9 5,84%	15 12,2%	20 12,5%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	209 47,82%	63 40,91%	59 47,97%	87 54,38%
3	Trung bình (Đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	177 40,5%	79 51,3%	45 36,59%	53 33,13%
4	Yếu (Chưa đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	7 1,6%	3 1,95%	4 3,25%	-
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
III	Tổng hợp kết quả cuối năm		154	123	160
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	270/277 97,47%	151 98,05%	119 98,34%	

a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	44 10,06%	9 5,84%	15 12,2%	20 12,5%
b	Học tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	209 47,82%	63 40,91%	59 47,97%	87 54,38%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	7 1,6%	3 1,95%	4 3,25%	-
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	1/4	1/2	0/2	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,68%	1 0,64%	1 0,81%	1 0,62%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				160
VI					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				116 72,5%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	150	52	43	55
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	14	6	3	5

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Yến Phương